

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 – 11– 2017 .

“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Kim Triều**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Kim Huynh**

2. Ông **Lâm Hoàng Việt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bé Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Chí Thiện** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 384, LL, khóm I, phường E, thành phố M, tỉnh N.

Bị đơn: Ông **Liêu Nguyễn VT**, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 384, LL, khóm I, phường E, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày: Vào năm 1997 bà có đăng ký kết hôn với ông Liêu Nguyễn VT tại UBND phường E, thành phố M, tỉnh N. Vợ chồng chung sống với nhau có 02 người con chung Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/1998 và Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/2005. Năm 2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và quan điểm sống khác nhau, mặc dù vợ chồng sống chung trong gia đình, nhưng chuyện ai làm người đó biết, từ đó vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm nhau lẫn nhau, đến tháng 9 năm 2017 bà dọn ra ngoài sinh sống cho đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Liêu Nguyễn VT

Về con chung: Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/2005 bà yêu cầu được nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Trà cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Liêu Nguyễn VT vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay ông T trình bày: Vào năm 1997 ông có kết hôn với bà Nguyễn Thị Phương T, vợ chồng có đăng ký tại UBND phường E, thành phố M, tỉnh N. Trong quá trình chung sống vợ chồng có với nhau 02 người con chung Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/1998 và Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/2005. Vào năm 2012 ông nghi ngờ bà T có quen biết với người đàn ông khác bên ngoài, từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, lạnh nhạt với nhau. Nay do còn tình cảm với vợ, nên việc bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/1998 đã trưởng thành; Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/2005, nếu Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn thì tùy con quyết định.

Tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án Vị đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Liêu Nguyễn VT. Về con chung Liêu Nguyễn Xuân Trúc giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. án phí bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương T và ông Liêu Nguyễn V T là hợp pháp, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND phường E, thành phố M, tỉnh N vào năm 1997, Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung Liêu Nguyễn Xuân T và Liêu Nguyễn Xuân T. Hội đồng xét xử xét thấy năm 2012 vợ chồng bắt đầu có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân xuất phát từ việc ông T nghi ngờ bà T có người đàn ông khác bên

ngoài, từ đó vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, tình cảm ngày càng lợt lạt, việc chăm sóc, quan tâm lẫn nhau không còn, tại phiên tòa ông T cho rằng ông còn tình cảm với bà T, mong muốn được hàn gắn, lời trình bày của ông không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại phiên tòa hôm nay ông cho rằng dù giữa ông và bà T trên danh nghĩa là vợ chồng, nhưng từ năm 2012 đến nay vợ chồng không có quan hệ tình cảm đời sống vợ chồng với nhau, điều đó chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc mâu thuẫn giữa bà T và ông T là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, thực tế hai vợ chồng không còn chung sống với nhau, vì vậy có duy trì mối quan hệ hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó việc bà T yêu cầu ly hôn với ông T là Phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/1998 đã trưởng thành, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/2005, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ, xét thấy, sau khi ly hôn việc giao con chưa thành niên cho người nào nuôi dưỡng, giáo dục là nhằm mục đích giúp con chưa thành niên phát triển tốt cả về tinh thần lẫn thể chất, nguyên đơn có đủ điều kiện nuôi con và con chung hiện nay do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống, cũng như đảm bảo sự sinh hoạt, học tập bình thường của cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao con cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết

[4] Về nợ chung: bà T, ông T xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét thấy ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tính chất và nội dung vụ án.

[6] Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Thủy phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với ông Liêu Nguyễn VT.

2. Về nuôi con chung: Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/1998 đã trưởng thành, không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, Liêu Nguyễn Xuân T, sinh ngày 02/01/2005 giao cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Liêu Nguyễn VT được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết;

4. Về nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0012512, ngày 26/9/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/11/2017, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TPTV.
- THADS TPTV
- Nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự.
- Lưu VP, HS (...)

(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Kim Triều